



Cải cách cơ cấu vì mục tiêu tăng trưởng, công bằng, và chủ quyền quốc gia

Harvard Kennedy School – Chương trình châu Á
Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

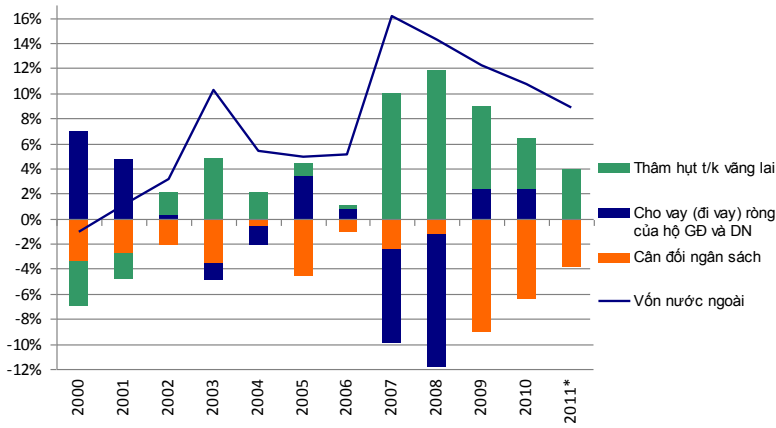
Tháng 12 năm 2011

Dự đoán tăng trưởng kinh tế ở các nước OECD

	2010	2011	2012
Khu vực OECD	3.1	1.9	1.6
Khu vực đồng Euro	1.9	1.6	0.2
Đức	3.6	3.0	0.6
Nhật Bản	4.1	-0.3	2.0
Mỹ	3.0	1.7	2.0
Anh	1.8	0.9	0.5

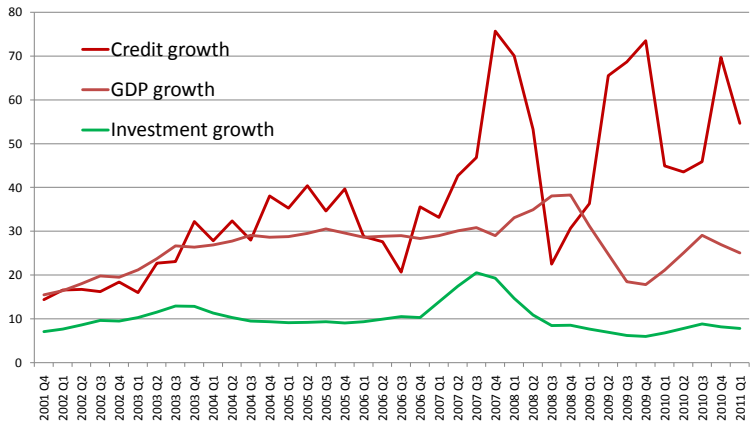
Nguồn: OECD

Tài khoản vãng lai, thâm hụt ngân sách, cho vay ròng và dòng vốn ở quốc tế ở Việt Nam

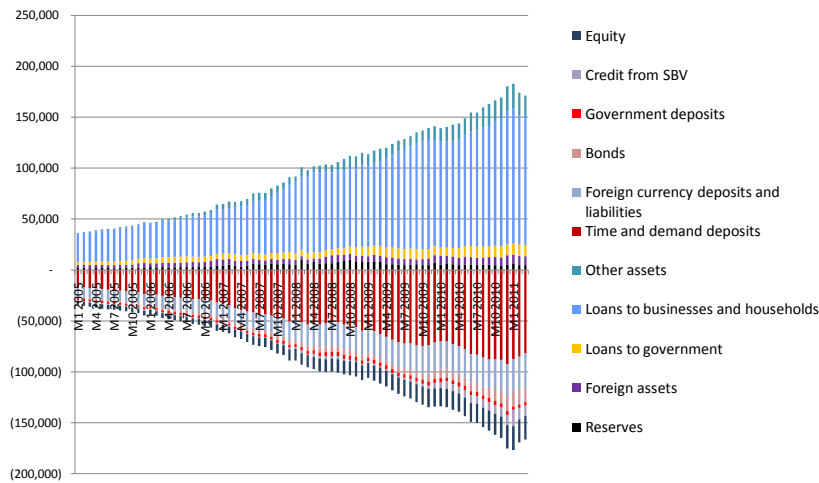


Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào cơ sở dữ liệu Thống kê Tài chính Quốc tế (IFS) của IMF.

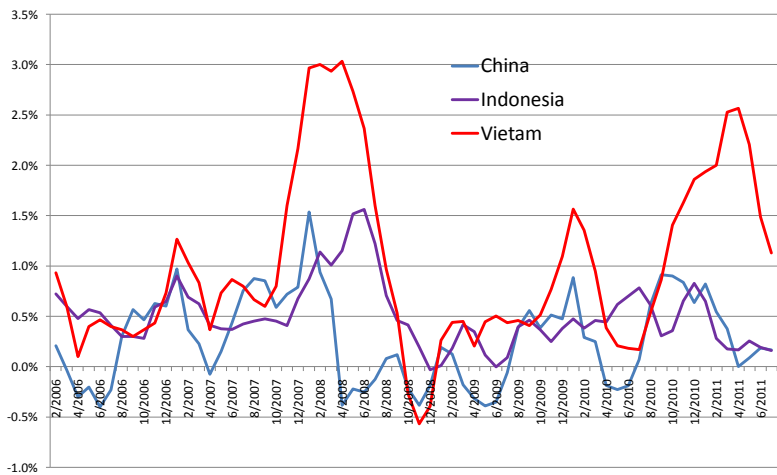
Tăng trưởng tín dụng, đầu tư và GDP



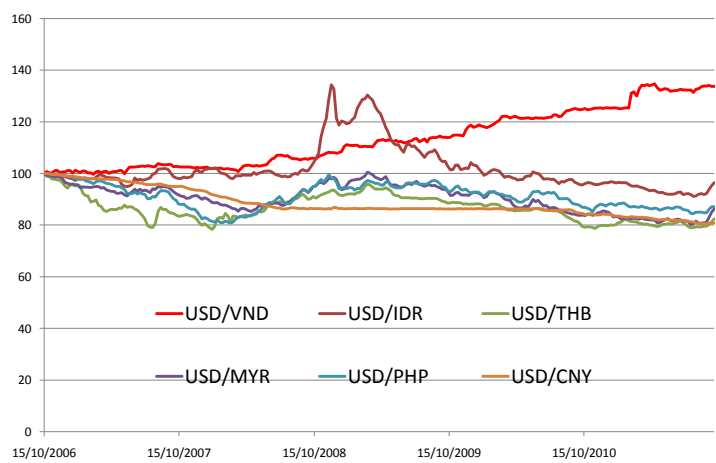
Bảng cân đối tài sản của khu vực ngân hàng



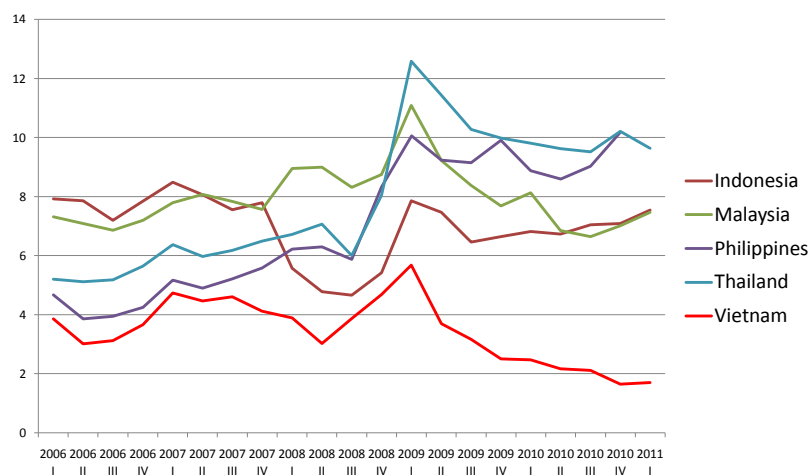
Lạm phát giá tiêu dùng theo tháng (bình quân dịch chuyển 3 tháng)



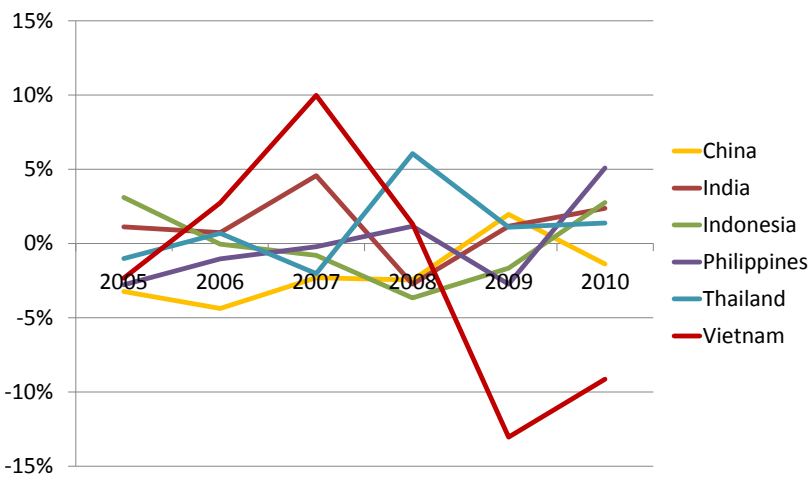
Các loại tiền so với USD



Dự trữ ngoại hối, tính theo số tháng nhập khẩu



Tỉ lệ vốn tháo chạy theo GDP



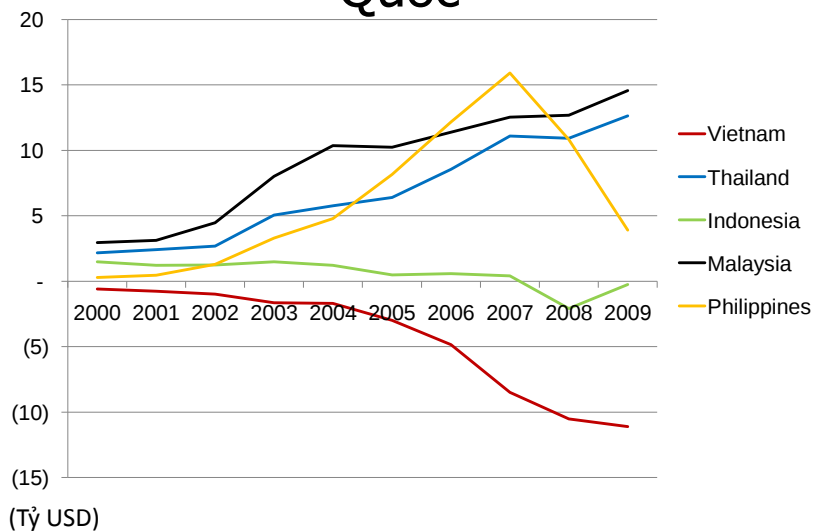
Source: Economist Intelligence Unit

Hợp đồng hoán đổi rủi ro vỡ nợ tín dụng trái phiếu 5 năm của Việt Nam (Tính theo điểm cơ bản, 1 điểm cơ bản = 0,01%)

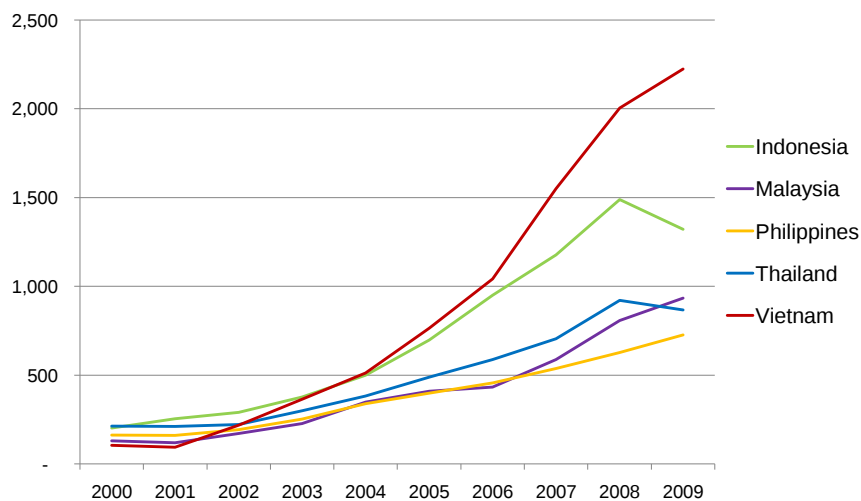


Nguồn: Reuters.

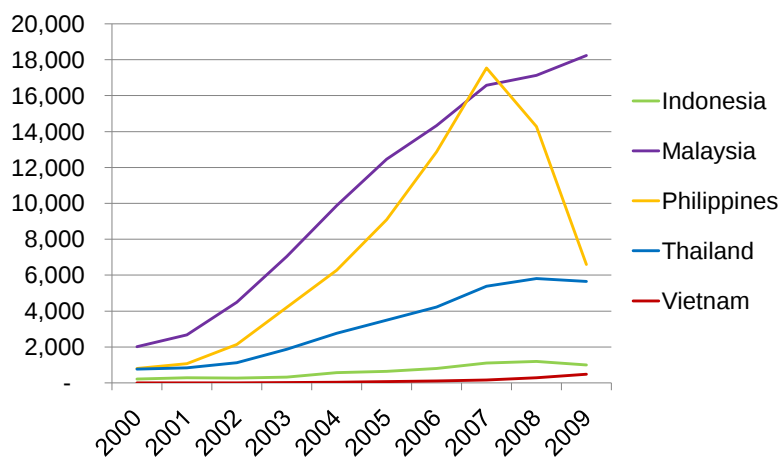
Cán cân thương mại với Trung Quốc



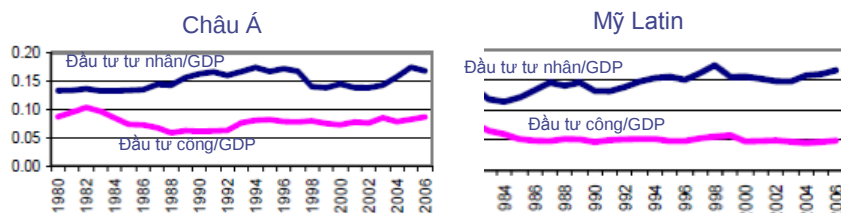
Nhập khẩu vải từ Trung Quốc (triệu USD)



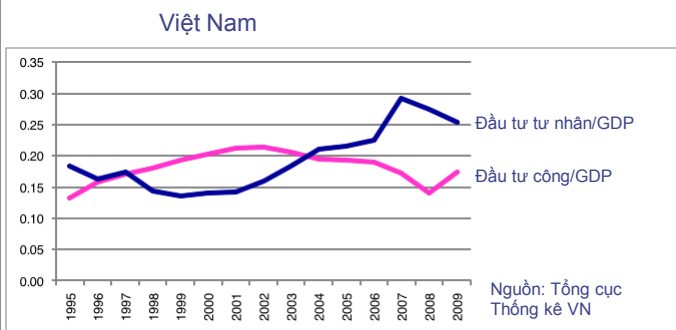
Xuất khẩu linh kiện điện tử và thiết bị viễn thông sang Trung Quốc (triệu USD)



Đầu tư công và tư nhân ở các nước đang phát triển



Nguồn: Cavallo & Daude (2008)



Đầu tư công cũng như đầu tư tư nhân của VN cao hơn nhiều so với mức b/q của các nước đang phát triển

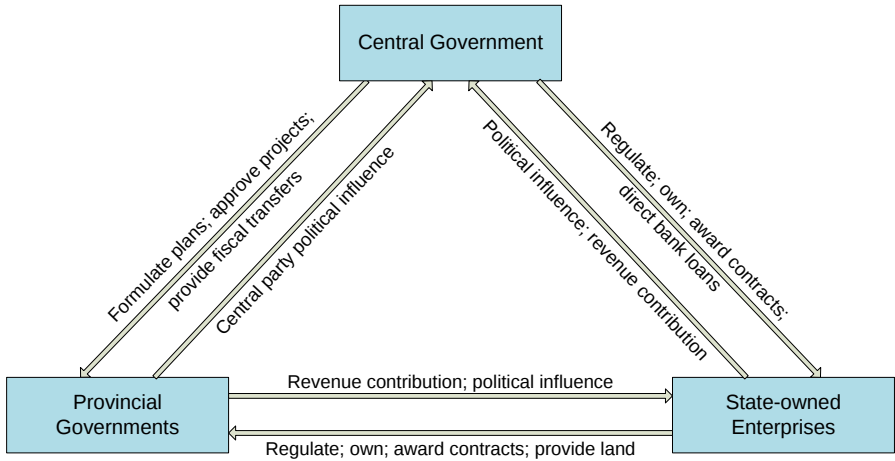
Nguồn: Tổng cục Thống kê VN

So sánh chi phí đầu tư đường cao tốc

Dự án/địa điểm	Khoảng cách (km)	Tổng chi phí (triệu USD)	Năm xây dựng	Suất đầu tư (triệu US\$/km 4 làn xe)
Đường cao tốc của Việt Nam				
Pháp Vân – Cầu Giẽ(*)	32,3	53	1998-2002	1,86
Cầu Giẽ - Ninh Bình	56,0	548	2006-2012	9,78
HCM - Trung Lương	61,9	613	2004-2010	9,90
Đà Nẵng – Quảng Ngãi	131,5	1.404	2012-2016	10,67
HCM - Long Thành – Dầu Giây	51,0	932	2009-2013	18,28
Trung Lương – Mỹ Thuận	54,0	1.000	2009-	18,52
Bến Lức - Long Thành	57,1	1.608	2012-2015	28,16
So sánh quốc tế				
Trung Quốc				
Jiangxi	134,0	320	1996-2004	2,39
Liaoning	109,0	288	1996-1998	2,64
Shenyang-Jinzhou (6 làn xe)	192,0	729	1996-2001	2,53
Shanxi	176,0	618	1999-2006	3,51
Chengdu-Nanchong	208,0	772	1998-2004	3,71
Changchun-Harbin	101,9	404	1998-2003	3,96
Chongqing (4 & 6 làn xe)	89,0	461	1996-2004	4,37
Hoa Kỳ (bình quân 25 bang)			2002 (**)	5,80

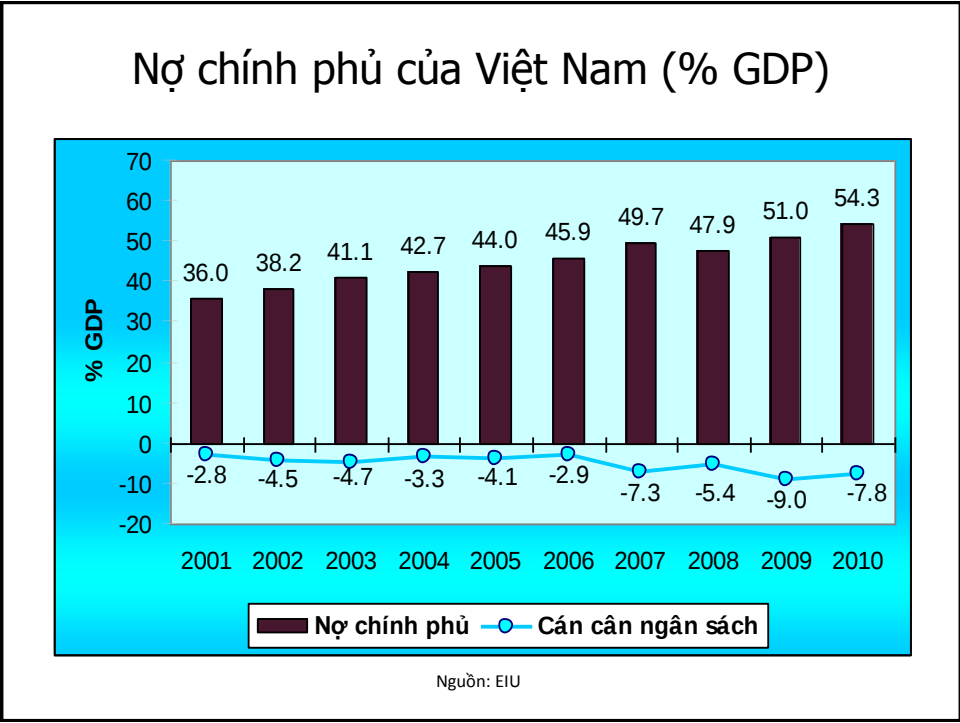
Nguồn: Báo cáo hoàn thành dự án và thẩm định cho các dự án của Việt Nam và Trung Quốc, và Sổ Giao thông bang Washington cho các dự án Hoa Kỳ.

Quan hệ tam giác trong đầu tư công

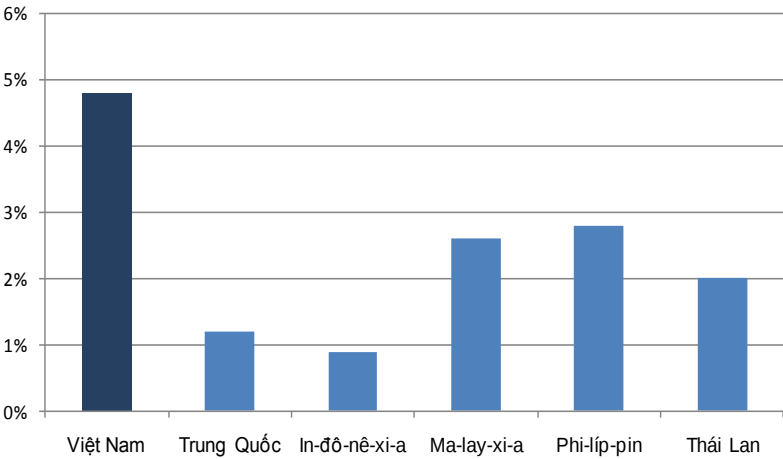


Source: FETP

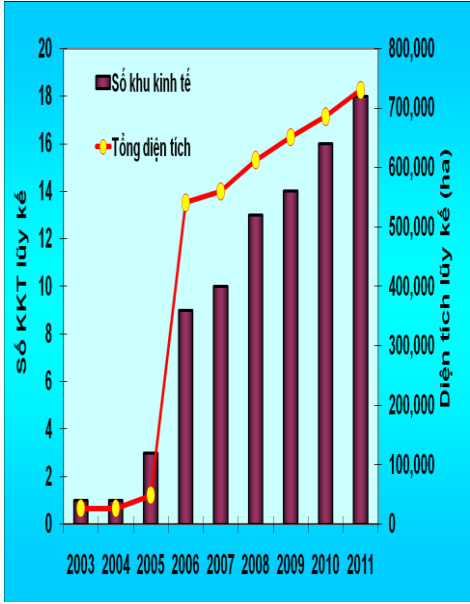
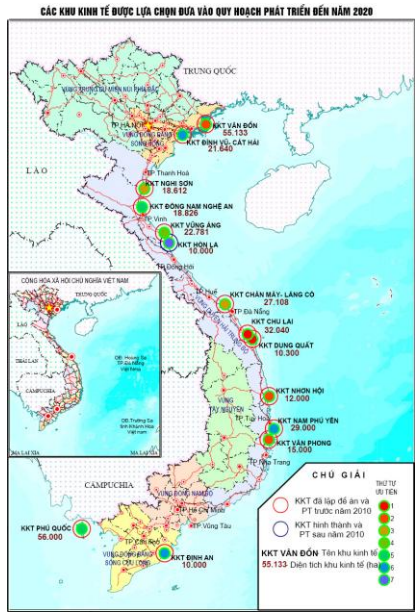
So sánh tỷ trọng sử dụng nguồn lực và đóng góp của ba khu vực kinh tế (%)						
	DNNN		DN dân doanh		FDI	
	2001-05	2006-10	2001-05	2006-10	2001-05	2006-10
Sử dụng nguồn lực						
Vốn đầu tư	56,6	44,6	26,4	27,7	17,0	27,8
Tín dụng	36,6	30,9	-	-	-	-
Đóng góp cho nền kinh tế						
Ngân sách (ngoài dầu)	19,6	17,0	6,7	9,8	6,6	10,3
Việc làm	43,5	24,1	40,1	53,7	16,3	22,3
Việc làm mới	-4,1	-22,0	74,1	88,1	30	33,9
GDP	30,0	27,8	46,7	46,1	14,6	17,9
Tăng trưởng GDP	32,9	19,0	44,6	54,2	14,5	17,4
GTSXCN	28,9	20,1	28,3	35,4	42,7	44,5
Tăng trưởng GTSXCN	28,5	7,9	34,0	45,8	37,4	46,3
Nguồn: Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính và Quỹ Tiền tệ Quốc tế.						



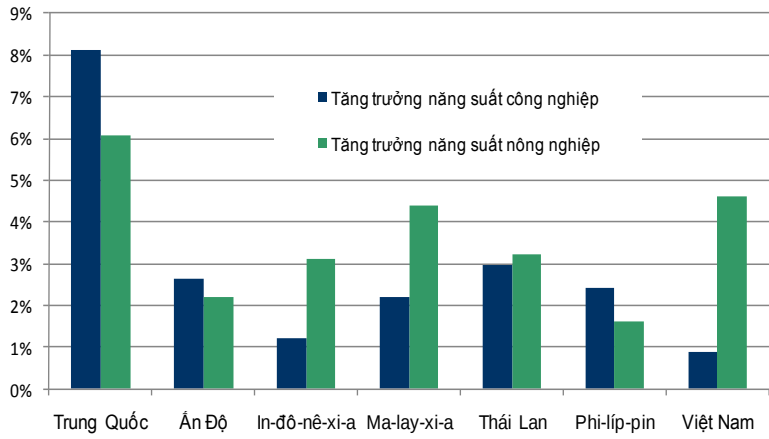
Thâm hụt ngân sách so với GDP tính bình quân 2007-2011



Nguồn: Chỉ báo Phát triển Thế giới (WDI) của NHTG.

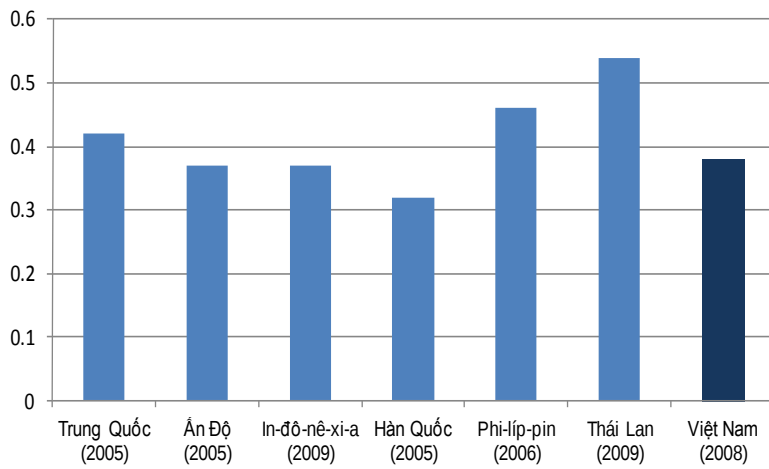


Tăng trưởng năng suất lao động bình quân, 2001-2009



Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào Chỉ báo Phát triển Thế giới (WDI) của NHTG.

Hệ số Gini ở một số nước châu Á



Nguồn: Chỉ báo Phát triển Thế giới (WDI) của NHTG.